

Số: /SGDDĐT-GDTrH&TX

Đồng Tháp, ngày tháng 9 năm 2024

V/v hướng dẫn thi chọn học sinh giỏi
lớp 9 và lớp 12 năm học 2024-2025

Kính gửi:

- Trưởng phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Hiệu trưởng trường THCS-THPT, THPT.

Căn cứ Thông tư số 17/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc Ban hành Quy chế thi chọn học sinh giỏi (HSG) cấp quốc gia;

Căn cứ Hướng dẫn số 88/HD-SGDĐT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Đồng Tháp về việc hướng dẫn thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, Sở GDĐT hướng dẫn các đơn vị bồi dưỡng và tổ chức thi chọn HSG lớp 9 và lớp 12 năm học 2024-2025 như sau:

I. THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9

1. Thi chọn HSG cấp huyện, thành phố

Phòng GDĐT chỉ đạo, hướng dẫn các trường trung học cơ sở (THCS) tổ chức thi chọn HSG cấp trường, thành lập đội tuyển, bồi dưỡng và tham dự kì thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, thành phố.

Phòng GDĐT căn cứ vào tình hình của địa phương tổ chức kì thi chọn HSG lớp 9 cấp huyện, thành phố trước ngày 31/12/2024, quyết định thành lập đội tuyển và bồi dưỡng tham gia kì thi chọn HSG cấp tỉnh.

2. Dự thi cấp tỉnh

2.1. Đối tượng dự thi: Là học sinh đang học lớp 9 năm học 2024-2025.

2.2. Điều kiện dự thi

Học sinh dự thi phải có đủ các điều kiện sau:

- Học kì I năm học 2024-2025:

Xếp loại rèn luyện và học tập từ **Khá** trở lên.

- Học sinh dự thi HSG cấp huyện, thành phố và được xét chọn vào đội tuyển của huyện, thành phố dự thi cấp tỉnh.

2.3. Thành lập đội tuyển dự thi

Mỗi phòng GDĐT là một đơn vị đăng kí dự thi.

Số lượng thí sinh trong đội tuyển dự thi từ 6 đến 10 thí sinh/môn/đơn vị; riêng đối với TP. Cao Lãnh, TP. Sa Đéc, TP. Hồng Ngự đội tuyển dự thi có thể tăng thêm, tối đa không quá 15 thí sinh/môn/đơn vị.

2.4. Ngày thi, môn thi và hình thức thi

- **Ngày thi:** Ngày 16/3/2025.

- **Môn thi:** Mỗi thí sinh chỉ tham dự một môn thi trong các môn: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Tin học.

Chỉ tổ chức thi đối với môn thi có từ 05 đơn vị trở lên đăng kí dự thi, ngoại trừ môn Tin học.

- Hình thức, thời gian làm bài thi

+ Đối với các môn: Toán, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí: thi theo hình thức tự luận; thời gian làm bài 150 phút.

+ Đối với môn Tiếng Anh: Thi cả 04 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và kiến thức ngôn ngữ. Bài thi tự luận và trắc nghiệm (gồm kỹ năng nghe, đọc, viết và kiến thức ngôn ngữ); thời gian làm bài là 150 phút. Đối với phần thi nói, ghi âm phần trả lời của thí sinh vào đĩa CD, mỗi thí sinh thực hiện phần thi nói trong 10 phút, bao gồm 05 phút chuẩn bị câu trả lời và 05 phút trình bày chủ đề đã bốc thăm.

+ Môn Tin học thi lập trình trên máy vi tính; thời gian làm bài 150 phút.

* Ghi chú: Học sinh được phép sử dụng máy tính bỏ túi không có chức năng soạn thảo văn bản, không có thể nhớ (các loại máy tính được phép sử dụng trong Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông hằng năm do Bộ GDĐT quy định).

2.5. Nội dung và phạm vi đề thi

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và các chủ đề nâng cao, chuyên sâu tương ứng (*Phụ lục I đính kèm*).

Chú trọng vào việc vận dụng kiến thức bộ môn và liên môn để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

II. THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12

1. Dự thi cấp trường

Hiệu trưởng trường trung học phổ thông (THPT) tổ chức kì thi chọn HSG cấp trường trước ngày **31/12/2024**, thành lập đội tuyển của trường và bồi dưỡng tham gia kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh.

2. Dự thi cấp tỉnh

2.1. Đối tượng dự thi

Học sinh đang học lớp 11, 12 năm học 2024-2025. (*Không bao gồm hệ giáo dục thường xuyên*).

Đối với những học sinh trong đội tuyển tham dự Kỳ thi chọn HSG quốc gia năm học 2024-2025 sẽ được dự thi nếu học sinh có nguyện vọng. (*Yêu cầu và điều kiện học sinh đăng kí dự thi thực hiện theo hướng dẫn của Công văn số 87/SGĐT-KTKĐCLGD*

ngày 06 tháng 02 năm 2017 về việc xếp giải thưởng cho HSG cấp tỉnh đối với học sinh trong đội tuyển đã tham dự Kỳ thi HSG quốc gia từ năm học 2016-2017, tại mục 2).

2.2. Điều kiện dự thi

Học sinh dự thi phải có đủ các điều kiện sau:

- Học kì I năm học 2024-2025:

Xếp loại rèn luyện và học tập từ **Khá** trở lên.

- Học sinh dự thi HSG cấp trường và được xét chọn vào đội tuyển của trường dự thi cấp tỉnh.

2.3. Thành lập đội tuyển dự thi

Mỗi trường THPT là một đơn vị đăng kí dự thi.

Số lượng thí sinh trong đội tuyển dự thi tối đa 10 thí sinh/môn/đơn vị; riêng đối với trường THPT chuyên đội tuyển dự thi tối đa 20 thí sinh/môn/đơn vị.

2.4. Môn thi, ngày thi, hình thức thi

- **Môn thi:** Mỗi thí sinh chỉ tham dự một môn thi trong các môn: Toán, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh và Tin học.

Chỉ tổ chức thi đối với môn thi có từ 05 đơn vị trở lên đăng kí dự thi, ngoại trừ môn Tin học.

- **Ngày thi:** Ngày 30/3/2025.

- **Hình thức, thời gian làm bài thi:**

+ Đối với môn Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí: thi theo hình thức tự luận; thời gian làm bài 180 phút.

+ Đối với môn Tiếng Anh: thi cả 04 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và kiến thức ngôn ngữ. Bài thi tự luận và trắc nghiệm (gồm kỹ năng nghe, đọc, viết và kiến thức ngôn ngữ) thời gian làm bài là **150 phút**. Đối với phần thi nói, ghi âm phần trả lời của thí sinh vào đĩa CD, mỗi thí sinh thực hiện phần thi nói trong 10 phút, bao gồm 05 phút chuẩn bị câu trả lời và 05 phút trình bày chủ đề đã bốc thăm.

+ Môn Tin học thi lập trình trên máy vi tính; thời gian làm bài 180 phút.

* **Ghi chú:** Học sinh được phép sử dụng máy tính bỏ túi không có chức năng soạn thảo văn bản, không có thể nhớ (các loại máy tính được phép sử dụng trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT hằng năm do Bộ GDĐT quy định).

2.5. Nội dung và phạm vi đề thi

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và các chủ đề nâng cao, chuyên sâu tương ứng (*Phụ lục II đính kèm*).

Chú trọng vào việc vận dụng kiến thức bộ môn và liên môn để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

1.1. Phòng Giáo dục Trung học và Thường xuyên

Hướng dẫn nội dung bồi dưỡng.

Hướng dẫn, kiểm tra phòng GDĐT, trường THPT tổ chức thi và bồi dưỡng đội tuyển HSG dự thi cấp tỉnh.

1.2. Phòng Quản lý chất lượng

Hướng dẫn công tác tổ chức kì thi: tiếp nhận hồ sơ đăng kí dự thi, ra đề thi, coi thi, chấm thi.

2. Các đơn vị dự thi

Thành lập đội tuyển, tổ chức bồi dưỡng học sinh dự thi; Lập hồ sơ dự thi và đăng kí dự thi (*Theo hướng dẫn của Phòng Quản lý chất lượng*).

3. Kinh phí

3.1. Chế độ bồi dưỡng học sinh giỏi

Đối với công tác bồi dưỡng HSG dự thi cấp trường, huyện, tỉnh: Các đơn vị căn cứ tình hình cụ thể nhà trường (*giáo viên, học sinh, cơ sở vật chất và khả năng tài chính*) quyết định thời lượng, nội dung bồi dưỡng theo hướng dẫn.

3.2. Chế độ khen thưởng

Chế độ khen thưởng cho học sinh đạt giải và giáo viên bồi dưỡng có học sinh đạt giải theo quy định hiện hành.

3.3. Mức chi và nguồn kinh phí

Mức chi cho công tác bồi dưỡng, chế độ tiền ăn cho học sinh dự thi, tiền khen thưởng cho giáo viên tham gia bồi dưỡng theo quy định hiện hành và được xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ; chi từ nguồn ngân sách cấp, nguồn thu hợp pháp khác, nguồn tài trợ (*nếu có*).

Sở GDĐT yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện công văn này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, cần kịp thời báo cáo đến Sở GDĐT (*qua Phòng GDTrH&TX, Phòng Quản lý chất lượng*) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên (thực hiện);
- Phòng QLCL, KH-TC Sở (thực hiện);
- Giám đốc, các Phó GD Sở (báo cáo);
- Lưu: VT, HD, 2b.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Danh

Phụ lục I

CẤU TRÚC NỘI DUNG THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9, NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Công văn số /SGDDT-GDTrH&TX ngày tháng 9 năm 2024)

1. MÔN TOÁN

Chủ đề 1: Số học và các phép tính trên tập hợp số thực (3,0 điểm)

- Dấu hiệu chia hết.
- Số chính phương.
- Dãy số có tính quy luật.

Chủ đề 2: Căn bậc hai, căn bậc ba (3,0 điểm)

- Tính giá trị biểu thức số chứa căn bậc hai, căn bậc ba.
- Tính giá trị của căn thức bậc hai khi biết giá trị của biến.
- Tìm điều kiện của biến để căn thức có nghĩa.
- Rút gọn biểu thức hoặc chứng minh đẳng thức chứa căn thức bậc hai.

Chủ đề 3: Một số yếu tố thống kê và xác suất (2,0 điểm)

- Các dạng bài toán thống kê trong chương trình 6, 7, 8.
- Tính xác suất của biến cố bằng cách kiểm đếm số trường hợp có thể và số trường hợp thuận lợi trong một số mô hình xác suất đơn giản (các dạng toán trong chương trình 6, 7, 8).

Chủ đề 4: Phương trình, Bất phương trình, Hệ phương trình (4,0 điểm)

- Phương trình qui về phương trình bậc nhất một ẩn (phương trình tích, phương trình chứa ẩn ở mẫu).
- Phương trình nghiệm nguyên (giới hạn chỉ 2 ẩn).
- Phương trình vô tỉ.
- Hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.
- Phương trình bậc hai một ẩn.
- Bài toán liên quan đến hàm số bậc nhất $y = ax + b$ và hàm số $y = ax^2$.
- Bất phương trình qui về bất phương trình bậc nhất một ẩn.
- Bất đẳng thức, giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất, vận dụng bất đẳng thức Cô-si (giới hạn chỉ áp dụng cho 2 số).
- Giải bài toán có lời văn (vận dụng kiến thức bộ môn để giải quyết vấn đề có liên quan thực tế).

Chủ đề 5: Hình học trực quan (2,0 điểm)

- Các hình phẳng trong thực tiễn: Tam giác, tứ giác đặc biệt (hình thang, hình

thang cân, hình bình hành, hình chữ nhật, hình vuông, hình thoi).

- Các hình khối trong thực tiễn: Hình hộp chữ nhật, hình lập phương, hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác, hình chóp tam giác đều, hình chóp tứ giác đều.

Chủ đề 6: Điểm, đường thẳng, tam giác (4,0 điểm)

- Ba điểm thẳng hàng.
- Đường thẳng vuông góc, song song, đồng quy.
- Tam giác bằng nhau, đồng dạng, định lý Thalés. Tỉ số diện tích.
- Tính chất các đường đồng quy trong tam giác.
- Tỉ số diện tích, cực trị hình học, bất đẳng thức tam giác.
- Hệ thức lượng trong tam giác vuông.

Chủ đề 7: Tứ giác, Đa giác, Đường tròn (2,0 điểm)

- Tứ giác đặc biệt.
- Các vấn đề liên quan đến đường tròn (tiếp tuyến đường tròn, góc ở tâm, góc nội tiếp, hình quạt tròn, hình vành khuyên).

2. MÔN NGỮ VĂN

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

- Cho 01 văn bản hoặc đoạn trích văn bản (*văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin*) bên ngoài sách giáo khoa Ngữ văn 9.
- Các dạng câu hỏi đọc hiểu thích hợp với từng loại văn bản, tương ứng với 05 câu hỏi ở các mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng.

II. PHẦN VIẾT (14,0 điểm)

Câu 1: Nghị luận xã hội (6,0 điểm)

- Viết đoạn văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.
- Viết đoạn văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.

Chú ý dạng đề mở.

Câu 2: Nghị luận văn học (8,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận phân tích tác phẩm văn học.

- Phạm vi: Theo nội dung chương trình Ngữ văn THCS nâng cao, chủ yếu chương trình lớp 9 (*văn bản ngoài sách giáo khoa Ngữ văn 9*).
- Dạng đề: Các vấn đề lí luận văn học cơ bản, nghị luận về một/hai ý kiến bàn về văn học (đặc trưng thể loại, chủ đề, thông điệp, những đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mỹ của nó trong tác phẩm văn học, vai trò người đọc và quá trình tiếp nhận tác phẩm văn học,...)

3. MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

I. Phần kiến thức chung KHTN: 10%

Nội dung: Trái đất và bầu trời

- Khai thác tài nguyên từ vỏ Trái Đất (*Khai thác nhiên liệu hóa thạch, nguồn carbon, chu trình carbon và sự ấm lên toàn cầu*).
- Sinh quyển và các khu sinh học trên Trái Đất: *Khái niệm ô nhiễm môi trường. Trình bày được sơ lược về một số nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường (ô nhiễm do chất thải sinh hoạt và công nghiệp, ô nhiễm hoá chất bảo vệ thực vật, ô nhiễm phóng xạ, ô nhiễm do sinh vật gây bệnh và biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường), các giải pháp phòng chống ô nhiễm môi trường.*

II. Phần kiến thức riêng KHTN: 90%

Nội dung 1: Chất và sự biến đổi của chất

- Phản ứng hóa học: Phản ứng hóa học, phương trình hóa học, bài toán tính theo phương trình hóa học, nồng độ dung dịch, định luật bảo toàn khối lượng.
- Acid – Base – Oxide - Muối; Phân bón hóa học: Phân biệt, gọi tên, nhận biết các dung dịch, Điều chế các hợp chất Acid, Base, Oxide, Muối.
- Kim loại: Tính chất cơ bản của kim loại, dãy hoạt động hóa học của kim loại, tách kim loại ra khỏi hợp kim.
- Hợp chất hữu cơ; Hydrocarbon và nguồn nhiên liệu: Tính chất hóa học cơ bản, viết công thức cấu tạo, gọi tên của 1 số alkane, alkene cơ bản từ C1-C4.

Nội dung 2: Năng lượng và sự biến đổi

- Khối lượng riêng và áp suất: Khái niệm khối lượng riêng; Đo khối lượng riêng; Áp suất trên một bề mặt; Tăng, giảm áp suất; Áp suất trong chất lỏng, trong chất khí; Lực đẩy Archimedes.
- Năng lượng và cuộc sống:
 - + Năng lượng nhiệt; Đo năng lượng nhiệt; Dẫn nhiệt, đối lưu, bức xạ nhiệt; Sự nở vì nhiệt.
 - + Động năng và thế năng; Cơ năng; Công và công suất.
 - + Năng lượng điện và công suất điện.
- Ánh sáng: Sự phản xạ; Sự khúc xạ; Thấu kính.
- Điện: Điện trở; Định luật Ohm; Đoạn mạch một chiều mắc nối tiếp, mắc song song.
- Từ: Cảm ứng điện từ; Nguyên tắc tạo ra dòng điện xoay chiều; Tác dụng của dòng điện xoay chiều.

Nội dung 3: Vật sống

- Môi trường; Hệ sinh thái: Hệ sinh thái, Cân bằng tự nhiên.
- Hiện tượng di truyền:

- + Hiện tượng di truyền. Mendel và khái niệm nhân tố di truyền.
- + Từ gene đến protein, Nhiễm sắc thể, Di truyền nhiễm sắc thể.

4. MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

I. Phần kiến thức chung (20%)

- Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.
- Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông.

II. Phần kiến thức Lịch sử (40%)

Chủ đề 1: Lịch sử Việt Nam từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

- Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858-1884).
- Phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX.
- Trào lưu cải cách ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX.
- Việt Nam đầu thế kỉ XX.

Chủ đề 2: Lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945

- Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930.
- Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1939.
- Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Chủ đề 3: Lịch sử thế giới từ năm 1945 đến năm 1991

- Chiến tranh lạnh (1947 - 1989).
- Liên Xô và các nước Đông Âu, Nước Mỹ và các nước Tây Âu, Mỹ Latinh, Một số nước ở châu Á từ năm 1945 đến năm 1991.

III. Phần kiến thức Địa lí (40%)

Chủ đề 1: Địa lí tự nhiên Việt Nam

- Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.
- Đặc điểm địa hình, khí hậu, thủy văn.
- Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thủy văn Việt Nam.

Chủ đề 2: Địa lí dân cư Việt Nam

- Dân cư và dân tộc, chất lượng cuộc sống.
- Phân bố dân cư và các loại hình quần cư.

Chủ đề 3: Sự phân hóa lãnh thổ Việt Nam

- Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Vùng Đồng bằng sông Hồng.
- Vùng Bắc Trung Bộ.

- Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.
- Vùng Tây Nguyên.
- * Kỹ năng Địa lí: Biểu đồ, nhận xét, giải thích, phân tích bảng số liệu,.....

5. MÔN TIN HỌC

1. Hình thức thi

- Thi lập trình trên máy tính.
- Ngôn ngữ lập trình Pascal (dùng phần mềm Free Pascal) hoặc ngôn ngữ C/C++ (dùng phần mềm Code::Blocks hoặc Dev-C++), hoặc ngôn ngữ Python (dùng phần mềm Python IDE hoặc Thony).
- Bài làm được chấm theo bộ Test, có thể chấm thủ công theo từng bộ test hoặc dùng phần mềm chấm tự động. Dữ liệu vào được đọc từ file văn bản và kết quả xuất ra file văn bản. Có giới hạn thời gian và bộ nhớ chạy chương trình.

2. Nội dung thi

Đề thi có 4 bài toán, gồm các chủ đề:

Chủ đề 1: Các bài toán về số học và tổ hợp.

- Tính chia hết, ước chung, bội chung.
- Đếm ước số, số nguyên tố.
- Các bài toán xử lý số, tìm số, ...
- Các bài toán đếm cơ bản.

Chủ đề 2: Các bài toán về sắp xếp và tìm kiếm.

- Các bài toán ứng dụng thuật toán sắp xếp trên dãy số và xâu kí tự (sắp xếp nổi bọt, sắp xếp chèn, sắp xếp nhanh,...)
- Các bài toán tìm kiếm (tìm kiếm tuần tự, tìm kiếm nhị phân (tìm trên tập số, trên mảng hoặc xâu).

Chủ đề 3: Phân tích và thiết kế thuật toán.

- Các thuật toán xử lý dãy số và xâu kí tự (đếm cặp số, xâu đối xứng,...)
- Một số bài toán quy hoạch động cơ bản, điển hình.
- Các bài toán tổng hợp cùng giải pháp *Heuristic*./.

6. MÔN TIẾNG ANH

I. Kỹ năng nói (2.0 điểm)

1. Nội dung và hình thức thi

Các chủ đề thi nói nằm trong chương trình tiếng Anh cấp THCS. Học sinh cần luyện tập trả lời câu hỏi như trình bày các dạng bài luận (essay). Mỗi thí sinh bốc thăm ngẫu nhiên một câu hỏi theo các chủ đề trong chương trình THCS, học sinh có **05 phút** để chuẩn bị và **05 phút** trả lời câu hỏi và ghi âm bằng Microphone.

2. Tiêu chí chấm điểm thi kỹ năng nói

Tiêu chí	Thang điểm	Chi tiết	Thang điểm
<i>Phát triển ý</i>	1.2	I. Introduction - Background information (paraphrase the question) + Thesis statement 0.1	0.1
		II. Body Paragraph 1 Topic sentence: Topic + Controlling idea 0.1 Supporting 1 Supporting sentence 0.1 Example/Explanation/Quotation/Statistic 0.1 Supporting 2 Supporting sentence 0.1 Example/Explanation/Quotation/Statistic 0.1	0.5
		Paragraph 2 Topic sentence Topic + Controlling idea 0.1 Supporting 1 Supporting sentence 0.1 Example/Explanation/Quotation/Statistic 0.1 Supporting 2 Supporting sentence 0.1 Example/Explanation/Quotation/Statistic 0.1	0.5
		III. Conclusion Restate your answer to the question 0.1	0.1
<i>Từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp</i>	0.3	- Sử dụng từ ngữ đa dạng phù hợp với chủ đề - Có sử dụng thành ngữ, cụm từ chính xác - Sử dụng cấu trúc đa dạng, dễ hiểu	0.1 0.1 0.1
<i>Phát âm, độ lưu loát và mạch lạc, chặt chẽ</i>	0.3	- Phát âm chính xác, rõ ràng - Trình bày lưu loát, ngắt giọng đúng chỗ, ít khi ngập ngừng, lặp lại, ngữ điệu phù hợp - Bố cục mạch lạc, chặt chẽ (có mở đầu, phát triển ý và kết luận), sử dụng các từ nối phong phú	0.1 0.1 0.1
<i>Phong cách trình bày/điễn đạt</i>	0.2	- Trình bày tự nhiên, tự tin - Biết sử dụng kỹ năng diễn thuyết	0.1 0.1
Tổng điểm			2.0

II. Kỹ năng nghe, đọc, viết và kiến thức ngôn ngữ (18.0 điểm)

Nội dung chính	Nội dung chi tiết	Số câu	Số điểm/câu	Tổng điểm
I. Listening (4.0 điểm)	Một số dạng bài nghe như: Form Completion, Note/Table/Sentence Completion, Short-Answer Questions, Multiple choice, Map Labelling, True/False/Not Given, Diagram/Flow-Chart, Matching	20	0.2	4.0
II. Vocabulary & Grammar (4.0 điểm)	A. Choose the best answer A, B, C, or D to complete each sentence.	20	0.1	2.0
	B. Give correct word form in the passage.	5	0.1	0.5
	C. Identify the redundant word in the paragraph.	10	0.1	1.0
	D. Fill in each of the numbered blanks with ONE suitable word.	5	0.1	0.5
III. Reading (5.0 điểm)	Một số dạng bài đọc như: - True/False/Not Given, Yes/No/Not Given, - Gap Filling/Completion: Note Completion/Summary Completion/Table Completion/Flow Chart Completion/Sentence Completion. - Matching: Matching Names/ Matching Headings. - Short-Answer Questions. - Multiple choice Questions. - Matching Information into Paragraphs. - Matching: Matching Sentences	25	0.2	5.0
IV. Writing (5.0 điểm)	A. Finish each of the following sentences in such a way that it means the same as the sentence printed before it. Write your answers on your answer sheet.	05	0.2	1.0
	B. Complete the second sentence so that it has the similar meaning to the first sentence using the word given. Do not change the word given.	05	0.2	1.0
	C. Write an essay (at least 250 words) Các dạng viết essay sau: - Agree or Disagree Essay - Advantages and Disadvantages Essay - Causes and Solutions/Problems and Solutions Essay - Discuss both views	1	3.0	3.0

Nội dung chính	Nội dung chi tiết	Số câu	Số điểm/câu	Tổng điểm
	- Two-Part Question Essay			
TỔNG CỘNG				18.00

Phụ lục II

**CẤU TRÚC NỘI DUNG THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12,
NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Công văn số /SGDDT-GDTrH&TX ngày tháng 9 năm 2024)

1. MÔN TOÁN

Chủ đề	NỘI DUNG	Điểm	Ghi chú
ĐẠI SỐ VÀ GIẢI TÍCH		10	
1	- Phương trình, hệ phương trình, bất phương trình, hệ bất phương trình. - Hàm số lượng giác; phương trình lượng giác. - Hàm số mũ, logarit; Phương trình, bất phương trình mũ, logarit.	2	Không có tham số
2	- Dãy số, cấp số cộng, cấp số nhân. - Giới hạn. - Đại số tổ hợp.	2	
3	- Đạo hàm và ứng dụng của đạo hàm.	4	
4	- Nguyên hàm, tích phân và ứng dụng.	2	
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG		6	
5	- Hệ thức lượng trong tam giác. - Vectơ trong mặt phẳng. - Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng.	2	
6	- Hình học không gian.	2	
7	- Véc-tơ trong không gian. - Phương pháp tọa độ trong không gian.	2	
THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT		4	
8	- Thống kê.	2	
9	- Xác suất.	2	Không có xác suất có điều kiện.
Tổng		20	

2. MÔN VẬT LÝ

Chủ đề	Gợi ý nội dung ôn tập	Điểm
Vật lý nhiệt và Khí lý tưởng	Các bài toán liên quan đến: - Hiện tượng vật lý liên quan đến sự chuyển thể: sự nóng chảy, sự hoá hơi... - Môi liên hệ nội năng của vật với năng lượng của các phân tử tạo nên vật, định luật 1 của nhiệt động lực học. - Các định luật của chất khí lý tưởng cho các đẳng quá trình - Phương trình trạng thái của khí lý tưởng, phương trình Claperon Mendeleep - Áp suất khí theo mô hình động học phân tử Động năng phân tử	4,0
Từ trường	- Lực từ tác dụng lên đoạn dây dẫn mang dòng điện; Cảm ứng từ... - Cảm ứng điện từ: định luật Faraday và định luật Lenz, dây dẫn chuyển động trong từ trường...	4,0
Vật lý hạt nhân	Năng lượng trong phản ứng hạt nhân Hiện tượng phóng xạ Các định luật bảo toàn trong phản ứng hạt nhân Phản ứng phân hạch, nhiệt hạch	4,0
Dao động cơ	- Dao động điều hòa, con lắc lò xo - Chứng minh vật dao động điều hòa, xác định chu kì, tần số, tần số góc của dao động...	4,0
Dòng điện không đổi	- Cường độ dòng điện, mạch điện và điện trở... - Định luật Ohm cho toàn mạch, ghép nguồn thành bộ - Năng lượng điện. Công suất điện	4,0
Tổng		20,0

3. MÔN HÓA HỌC

Chủ đề/nội dung	Điểm
Ester – lipid. Xà phòng và chất giặt rửa	1,5
Carbohydrate	1,5
Hợp chất chứa nitrogen	2,0
Polymer	1,0
Pin điện – điện phân	3,0
Đại cương về kim loại	2,5
Nguyên tố nhóm IA và IIA	2,0
Sơ lược về dãy kim loại chuyển tiếp thứ nhất và phức chất	2,5
Tổng hợp vô cơ	2,0
Tổng hợp hữu cơ	2,0
Tổng	20,0

* **Ghi chú:** Danh pháp theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

4. MÔN SINH HỌC

Chủ đề	Nội dung	Điểm
Di truyền học	Di truyền phân tử và di truyền nhiễm sắc thể	8,0
	Tương tác giữa kiểu gene với môi trường và Thành tựu chọn giống	2,0
	Di truyền học quần thể và Di truyền học người	2,0
Tiến hóa	Bằng chứng tiến hoá và Cơ chế tiến hóa	2,0
Sinh thái học	Môi trường và Quần thể sinh vật	2,0
	Quần xã sinh vật và Hệ sinh thái	4,0
Tổng		20,0

5. MÔN NGỮ VĂN

I. PHẦN ĐỌC (6,0 điểm)

- 01 văn bản được chọn trong ba loại sau: văn bản văn học; văn bản nghị luận; văn bản thông tin.

- Gồm có 5 câu hỏi. Các câu hỏi bám sát các yêu cầu đọc hiểu văn bản cho mỗi thể loại theo ba mức độ *nhận biết, thông hiểu và vận dụng*.

II. PHẦN VIẾT (14,0 điểm)

Câu 1 (6,0 điểm) – NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (có thể liên quan hoặc không liên quan với văn bản phần Đọc).

Câu 2 (8,0 điểm) - NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Viết bài văn nghị luận (có thể liên quan hoặc không liên quan với văn bản phần Đọc):

- Phân tích, nhận xét, đánh giá một văn bản (tác phẩm hoặc đoạn trích).
- Liên hệ, so sánh hai văn bản (tác phẩm hoặc đoạn trích).

- Nghị luận về một hoặc hai ý kiến bàn về văn học (lịch sử văn học, đặc trưng thể loại, phong cách văn học, nội dung và hình thức của tác phẩm văn học, giá trị văn học và tiếp nhận văn học,...).

6. MÔN LỊCH SỬ

Chủ đề	Nội dung	Điểm
Lịch sử thế giới	Thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh	6,0
	ASEAN: những chặng đường lịch sử	
Lịch sử Việt Nam	Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945)	4,0
	Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (từ tháng Tám năm 1945 đến nay)	4,0
	Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay	3,0
	Lịch sử đối ngoại của Việt Nam thời cận – hiện đại	3,0
Tổng		20,0

7. MÔN ĐỊA LÍ

Chủ đề	Nội dung	Điểm
Địa lí tự nhiên	- Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	4,0
	- Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống	
	- Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên	4,0
	- Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	
Địa lí dân cư	- Dân số Việt Nam	3,0
	- Lao động và việc làm	
	- Đô thị hóa	
Địa lí các ngành kinh tế	- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	4,0
	- Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	
	+ Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.	
	+ Một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	
	- Công nghiệp	

	<ul style="list-style-type: none"> + Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp + Một số ngành công nghiệp + Tổ chức lãnh thổ công nghiệp 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ + Vai trò và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển ngành dịch vụ. + Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông + Thương mại và du lịch 	
Địa lí các vùng kinh tế	- Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ	5,0
	- Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng	
	- Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở Bắc Trung Bộ	
	- Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ	
	- Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên	
	- Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ	
	- Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long	
- Phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo		
Tổng		20,0

* Chú ý: Giáo viên hướng dẫn học sinh kỹ năng nhận xét, phân tích bảng số liệu.

8. MÔN TIẾNG ANH

I. Kỹ năng nói (2.0 điểm)

1. Nội dung và hình thức thi

Các chủ đề thi nói nằm trong Chương trình môn tiếng Anh (Cấp THPT), chủ yếu lớp 11 và 12. Học sinh cần luyện tập trả lời câu hỏi như trình bày các dạng bài luận (essay). Mỗi thí sinh bốc thăm ngẫu nhiên một câu hỏi theo các chủ đề trong chương trình môn Tiếng Anh THPT, học sinh có **05 phút** để chuẩn bị và **05 phút** trả lời câu hỏi và ghi âm bằng microphone.

2. Tiêu chí chấm điểm thi nói

Tiêu chí	Thang điểm	Chi tiết	Thang điểm
<i>Phát triển ý</i>	1.2	I. Introduction - Background information (paraphrase the question) + Thesis statement 0.1	0.1
		II. Body Paragraph 1 Topic sentence: Topic + Controlling idea 0.1 Supporting 1 Supporting sentence 0.1 Example/Explanation/Quotation/Statistic 0.1 Supporting 2 Supporting sentence 0.1 Example/Explanation/Quotation/Statistic 0.1	0.5
		Paragraph 2 Topic sentence Topic + Controlling idea 0.1 Supporting 1 Supporting sentence 0.1 Example/Explanation/Quotation/Statistic 0.1 Supporting 2 Supporting sentence 0.1 Example/Explanation/Quotation/Statistic 0.1	0.5
		III. Conclusion Restate your answer to the question 0.1	0.1
<i>Từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp</i>	0.3	- Sử dụng từ ngữ đa dạng phù hợp với chủ đề - Có sử dụng thành ngữ, cụm từ chính xác - Sử dụng cấu trúc đa dạng, dễ hiểu	0.1 0.1 0.1
<i>Phát âm, độ lưu loát và mạch lạc, chặt chẽ</i>	0.3	- Phát âm chính xác, rõ ràng	0.1
		- Trình bày lưu loát, ngắt giọng đúng chỗ, ít khi ngập ngừng, lặp lại, ngữ điệu phù hợp	0.1
			0.1

Tiêu chí	Thang điểm	Chi tiết	Thang điểm
		- Bố cục mạch lạc, chặt chẽ (có mở đầu, phát triển ý và kết luận), sử dụng các từ nối phong phú	
<i>Phong cách trình bày/điển đạt</i>	0.2	- Trình bày tự nhiên, tự tin - Biết sử dụng kỹ năng diễn thuyết	0.1 0.1
Tổng điểm			2.0

II. Kỹ năng nghe, đọc, viết và kiến thức ngôn ngữ (18.0 điểm)

+ Tóm tắt nội dung:

Nội dung chính	Nội dung chi tiết	Số câu	Số điểm/câu	Tổng điểm
I. Listening (4.0 điểm)	Một số dạng bài nghe như: Form Completion, Note/Table/Sentence Completion, Short-Answer Questions, Multiple choice, Map Labelling, True/False/Not Given, Diagram/Flow-Chart, Matching.	20	0.2	4.0
II. Vocabulary and Grammar (4.0 điểm)	A. Choose the best answer A, B, C, or D to complete each sentence.	20	0.1	2.0
	B. Give correct word form in the passage.	5	0.1	0.5
	C. Mistake identification in the paragraph.	10	0.1	1.0
	D. Fill in each of the numbered blanks with ONE suitable word.	5	0.1	0.5
III. Reading (5.0 điểm)	Một số dạng bài đọc như: - True/False/Not Given, Yes/No/Not Given, - Gap Filling/Completion: Note Completion/ Summary Completion/Table Completion/Flow Chart Completion/Sentence Completion, - Matching: Matching Names/ Matching Headings, Matching Sentences - Short-Answer Questions, - Multiple Choice Questions, - Matching Information into Paragraphs.	25	0.2	5.0
IV. Writing (5.0 điểm)	A. Finish each of the following sentences in such a way that it means the same as the sentence printed before it. Write your answers on your answer sheet.	05	0.2	1.0
	B. Complete the second sentence so that it has the similar meaning to the first sentence using the word given. Do not change the word given.	05	0.2	1.0

Nội dung chính	Nội dung chi tiết	Số câu	Số điểm/câu	Tổng điểm
	C. Write an essay Các dạng viết essay sau: - Agree or Disagree Essay - Advantages and Disadvantages Essay - Causes and Solutions/Problems and Solutions Essay - Discuss both views - Two-Part Question Essay	1	3.0	3.0
Tổng				18.00

9. MÔN TIN HỌC

I. HÌNH THỨC THI VÀ CHẤM BÀI:

- Thi lập trình trên máy tính.
- Ngôn ngữ lập trình **Pascal** (dùng phần mềm Free Pascal) hoặc ngôn ngữ **C/C++** (dùng phần mềm Code::Blocks hoặc Dev-C++), hoặc ngôn ngữ **Python**.
- Bài thi được chấm bằng các bộ Test, có giới hạn thời gian và bộ nhớ thực hiện chương trình. Dữ liệu vào được đọc từ các file văn bản và kết quả xuất ra file văn bản.

II. NỘI DUNG THI:

Nội dung thi theo chương trình Giáo dục phổ thông môn Tin học Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Chương trình GDPT 2018).

Đề thi gồm 3 hoặc 4 bài toán theo định hướng khoa học máy tính (CS) gồm các chủ đề:

- **Chủ đề 1:** Các kiến thức lập trình và thuật toán cơ bản
 - Tính chia hết, ước số, bội số, số nguyên tố, các bài toán xử lý số, tìm số,...
 - Hệ đếm và chuyển đổi hệ đếm.
 - Tính các tổ hợp, các bài toán đếm.
 - Các thuật toán sắp xếp và ứng dụng.
 - Tìm kiếm tuần tự, tìm kiếm nhị phân.
- **Chủ đề 2:** Phân tích và thiết kế thuật toán
 - Kỹ thuật đệ quy.
 - Kỹ thuật chia để trị, tham lam.
 - Phương pháp duyệt, quay lui, vét cạn.
 - Các thuật toán tổng hợp cùng giải pháp Heuristic.
- **Chủ đề 3:** Lý thuyết đồ thị

- Biểu diễn đồ thị trên máy tính bằng ma trận kề và danh sách kề.
- Phương pháp tìm kiếm theo chiều rộng (BFS), tìm kiếm theo chiều sâu (DFS) trên đồ thị và trên ma trận.
- Ứng dụng của kỹ thuật duyệt đồ thị trong một số bài toán thực tế.
 - **Chủ đề 4:** Các cấu trúc dữ liệu và ứng dụng
- Cấu trúc dữ liệu Hàng đợi, Ngăn xếp và ứng dụng trong thực tế.
- Cây và Cây nhị phân, các phép toán duyệt cây.
- Cây tìm kiếm nhị phân.
- Ứng dụng Cây tìm kiếm nhị phân giải bài toán sắp xếp và tìm kiếm.

- HẾT-